Bài 1 trang 6 Tập bản đồ Địa Lí 9:

Nước ta có bao nhiêu dân tộc? Những nét văn hoá riêng của các dân tộc thể hiện ở những mặt nào ? Cho ví dụ.

Lời giải:

- Nước ta có 54 dân tộc.

- Những nét văn hoá riêng của các dân tộc thể hiện ở ngôn ngữ, trang phục, quần cư, phong tục, tập quán,...

- Ví dụ: người Gia – rai theo chế độ mẫu hệ, vợ chồng lấy nhau cư trú bên nhà vợ, con cái lấy họ mẹ; y phục người Ê – đê thường có màu chàm, hoa văn sặc sỡ,..

Bài 2 trang 6 Tập bản đồ Địa Lí 9:

Trình bày tình hình phân bố của các dân tộc ở nước ta

Lời giải:

- Dân tộc Việt (Kinh) phân bố chủ yếu ở các vùng đồng bằng, trung du và ven biển.

- Các dân tộc ít người phân bố chủ yếu ở miền núi và trung du:

+ Trung du và miền núi Bắc Bộ là địa bàn cư trú đan xen của trên 30 dân tộc. Ở vùng thấp, người Tày, Nùng sống tập trung đông ở tản ngạn sông Hồng; người Thái, Mường phân bố từ hữu ngạn sông Hồng đến sông Cả. Người Dao sống chủ yếu ở các sườn núi từ 700 – 1000m. Trên các vùng núi cao là địa bàn cư trú của người Mông.

+ Khu vực Trường Sơn – Tây Nguyên có trên 20 dân tộc ít người. Các dân tộc cư trú thành từng vùng khá rõ rệt, người Ê – đê ở Đắk Lắk, người Gia – rai ở Kom Tum, và Gia Lai, người Cơ – ho chủ yếu ở Lâm Đồng,...

+ Các tỉnh cực Nam Trung Bộ và Nam Bộ có các dân tộc Chăm, Khơ – me. Người Hoa tập trung chủ yếu ở các đô thị, nhất là thành phố Hồ Chí Minh.

- Hiện nay, phân bố dân tộc đã có nhiều thay đổi. Một số dân tộc ít người từ miền Bắc đến cư trú ở Tây Nguyên.

Bài 3 trang 6 Tập bản đồ Địa Lí 9:

Dựa vào bảng thông kê (trang 6 SGK) cho biết em thuộc dân tộc nào? Dân tộc em dứng thứ mấy về số dân trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam ? Địa bàn cư trú chủ yếu của dân tộc em ? Hãy kế một số nét văn hoá tiêu biểu của dân tộc em.

STT	Dân tộc	Số dân	STT	Dân tộc	Số dân	STT	Dân tộc	Số dân
1	Kinh	65795,7	19	Ra-glai	96,9	37	Kháng	10,3
2	Tày	1477,5	20	Mnông	92,5	38	Phù Lá	9,0
3	Thái	1328,7	21	Thổ	68,4	39	La Hủ	6,9
4	Mường	1137,5	22	Xtiêng	66,8	40	La Ha	5,7
5	Khơ-me	1055,2	23	Khơ-mú	56,5	41	Pà Thẻn	5,6
6	Hoa	862,4	24	Bru-Vân Kiều	55,6	42	Lự	5,0
7	Nùng	856,4	25	Cơ-tu	50,5	43	Ngái	4,8
8	Mông	787,6	26	Giáy	49,1	44	Chứt	3,8
9	Dao	620,5	27	Tà-ôi	35,0	45	Lô Lô	3,3
10	Gia-rai	317,6	28	Mạ	33,3	46	Mảng	2,7
11	Ê-đê	270,3	29	Giẻ-Triêng	30,2	47	Cơ Lao	1,9
12	Ba-na	174,5	30	Co	27,8	48	Bố Y	1,9
13	Sán Chay	147,3	31	Chơ-ro	22,6	49	Cống	1,7
14	Chăm	132,9	32	Xinh-mun	18,0	50	Si La	0,8
15	Cơ-ho	128,7	33	Hà Nhì	17,5	51	Pu Péo	0,7
16	Xơ-đăng	127,1	34	Chu-ru	15,0	52	Rơ-măm	0,4
17	Sán Dìu	126,2	35	Lào	11,6	53	Brâu	0,3
18	Hrê	113,1	36	La Chí	10,8	54	Ơ-đu	0,3

Lời giải:

- Ví du: Em thuộc dân tộc Kinh.

- Dân tộc Kinh đứng đầu về số dân trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

- Địa bàn cư trú chủ yếu của dân tộc em là đồng bằng, trung du và ven biển.

- Một sô nét văn hoá tiêu tiểu ở nhà trệt, canh tác lúa nước, ăm cơm bằng đũa, nhiều công trình kiến trúc có giá trị (chùa chiền, lăm tẩm, đền đài...).